

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 2

Họ và tên:..... Lớp

Bài 1: Điền vào chỗ trống câu trả lời đúng:

a. Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
....	14	
57		
....		42

b. Chọn câu trả lời đúng:

Số liền sau của số 65 là:

☐ 64

☐ 63

☐ 66

☐ 67

Số liền trước của số 30 là:

☐ 29

☐ 31

☐ 28

☐ 32

Chọn dấu >, <, =

7 ... 23

87 ... 87

64 ... 48

☐ =

☐ >

☐ <

Bài 2:

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: 57, 9, 13, 76, 43, 28

**A. 9, 13, 28,
43, 76, 57**

**C. 76, 57, 43,
28, 13, 9**

**B. 9, 13, 28,
43, 57, 76**

**D. 9, 13, 43,
28, 57, 76**

b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 24, 95, 43, 60, 7, 89

A. 89, 95, 60,
43, 24, 7

B. 95, 89, 60,
24, 43, 7

C. 7, 24, 43, 60,
89, 95

D. 95, 89, 60,
34, 24, 7

Bài 3: Điền vào chỗ trống:

a) Số?

1 dm = cm

6 dm = cm

9 dm = cm

20 cm = dm

50 cm = dm

30 cm = dm

b) Tính:

4 dm + 5 dm = dm

12 dm + 3 dm - 2 dm = dm

75 dm - 22 dm = dm

89 dm - 67 dm + 42 dm = dm

Bài 4: a) Nối số hạng, tổng trong mỗi phép tính sau:

$$5 + 10 = 15$$

$$33 + 46 = 79$$

5

15

10

79

33

46

Số hạng

Tổng

Số hạng

Tổng

b) Tìm tổng, biết các số hạng lần lượt là:

32 và 47

65 và 23

12 và 83

34 và 23

88

57

79

95

Bài 5: a) Nối số bị trừ, số trừ và hiệu trong mỗi phép tính sau:

$$33 - 10 = 23$$

33

10

23

Số bị trừ

Hiệu

Số trừ

$$57 - 24 = 33$$

33

57

24

Số bị trừ

Số trừ

Hiệu

$$68 - 12 = 56$$

12

68

56

Hiệu

Số bị trừ

Số trừ

b) Tìm hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là:

$$85 - 3$$

23

$$59 - 23$$

12

$$18 - 6$$

82

$$38 - 15$$

36

Bài 6: Chọn số hạng còn lại để được tổng đúng:

$$\begin{array}{c} \text{Yellow cupcake} \\ \text{Pink cupcake} \end{array} + \begin{array}{c} \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \end{array} = \boxed{7} + \begin{array}{c} \text{6} \\ \text{3} \\ \text{2} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \text{Yellow cupcake} \\ \text{Yellow cupcake} \\ \text{Pink cupcake} \end{array} + \begin{array}{c} \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \end{array} = \boxed{9} + \begin{array}{c} \text{1} \\ \text{2} \\ \text{3} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \text{Blue cupcake} \\ \text{Yellow cupcake} \\ \text{Yellow cupcake} \end{array} + \begin{array}{c} \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \\ \text{White cupcake} \end{array} = \boxed{4} + \begin{array}{c} \text{4} \\ \text{5} \\ \text{6} \end{array}$$

Bài 7: Tính hiệu rồi nối kết quả tương ứng:



Bài 8: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Lớp em đi chơi công viên.

Chúng em mang theo 56 gói bim bim và 34 gói kẹo.

- Số gói bim bim nhiều hơn số gói kẹo là  gói.
- Số gói kẹo ít hơn số gói bim bim là  gói.

Bài 9: Tổng số tuổi của hai anh em là 12 tuổi. Em 2 tuổi. Hỏi anh mấy tuổi?

10 tuổi

14 tuổi

11 tuổi

Bài 10: Một sợi dây dài 24 dm, cắt đi 12 dm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Phép tính: =

Trả lời: Sợi dây còn lại dài dm.